

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

DỰ THẢO

## BÁO CÁO

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang**

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ đề nghị của UBND huyện Lục Nam tại Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 25/10/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Lục Nam, UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với huyện Lục Nam, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA:** Thời gian thẩm tra: Ngày 03/11/2023

##### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Lục Nam đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Lục Nam về việc thẩm tra, xét công nhận huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, các thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn huyện Lục Nam.

- Báo cáo số 210/BC-UBND ngày 13/10/2023 của UBND huyện Lục Nam về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Lục Nam về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Biên bản cuộc họp ngày 23/10/2023 của UBND huyện Lục Nam đề nghị xét, công nhận huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

- Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 27/9/2023 của UBND huyện Lục Nam về tình hình thực hiện các danh mục đầu tư và tiêu chí nợ đọng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2023.

- Hình ảnh minh họa, clip về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ô Pích thường xuyên kiểm tra tình hình xây dựng nông thôn mới tại huyện Lục Nam. UBND tỉnh ưu tiên phân bổ đủ nguồn vốn cả giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ xã, huyện thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí trong năm 2023...

- Cấp huyện: Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2020 của BCH Đảng bộ huyện Lục Nam đặt mục tiêu huyện Lục Nam đạt huyện nông thôn mới vào năm 2024. Quá trình thực hiện huyện Lục Nam đã tập trung chỉ đạo, cùng với nỗ lực của các địa phương, chung sức của người dân nên tiến độ xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Ngày 14/3/2022, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/HU về việc lãnh đạo, chỉ đạo huyện Lục Nam đạt chuẩn huyện nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn năm 2023 (trước 01 năm so với Nghị quyết Đại hội). Thực hiện mục tiêu trên, huyện đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên BTV Huyện ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh để huyện Lục Nam đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chủ động bố trí ngân sách địa phương để tập trung hoàn thành xã nông thôn mới, bao gồm cả 04 xã đặc biệt khó khăn (đây cũng là 04 xã đặc biệt khó khăn đầu tiên của tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới); ưu tiên nguồn lực thực hiện các tiêu chí cấp huyện về xử lý rác thải, đường giao thông nông thôn, phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung...

### **3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

#### **3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 23 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 23 xã, đạt 100%, cụ thể:
  - + Giai đoạn 2010-2015, có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Bảo Đài, Đông Hưng (*đã trừ xã Tiên Hưng sáp nhập vào thị trấn Đồi Ngô thành thị trấn Đồi Ngô*), đã rà soát, đánh giá, thực hiện đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí Quốc gia giai đoạn 2021-2025.
  - + Giai đoạn 2016-2020, có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Đông Phú, Bắc Lũng, Chu Điện, Khám Lạng, Bảo Sơn, Cẩm Lý, Lan Mẫu, Cương Sơn, Huyền Sơn, Tiên Nha (*đã trừ xã Phương Sơn do lên thị trấn Phương Sơn*), đã rà soát, đánh giá, thực hiện đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.
  - + Giai đoạn 2021-2023, có 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Nghĩa Phương, Thanh Lâm, Tam Di, Đan Hội, Yên Sơn, Vũ Xá, Trường Sơn, Bình Sơn, Trường Giang, Vô Tranh, Lục Sơn.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03 xã (xã Bảo Đài và Đông Phú năm 2021, xã Đông Hưng năm 2022).
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 13,04%.

#### **3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 02 thị trấn (thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Phương Sơn).
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 02 thị trấn theo Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Lục Nam về công nhận thị trấn Đồi Ngô và thị trấn Phương Sơn đạt chuẩn văn minh đô thị năm 2022. Năm 2023, qua kiểm tra, đánh giá và đối chiếu với quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh thì 02 thị trấn đảm bảo đạt các tiêu chí đô thị văn minh.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

**4. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới** (theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang).

#### **4.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

- Huyện Lục Nam hoàn thành quy hoạch xã nông thôn mới cho 100% số xã vào năm 2013. Sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt các xã đã công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định để nhân dân biết và thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, huyện chỉ đạo rà soát và triển khai điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với quy hoạch vùng huyện, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- 100% số xã xây dựng quy định quản lý quy hoạch chung xã trình UBND huyện phê duyệt, tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

*Đánh giá:* Đến nay 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 1 Quy hoạch, đạt 100%.

#### **4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông**

Giao thông nông thôn được xác định là khâu đột phá, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, huyện đã huy động trên 1.229 tỷ đồng để cứng hoá, nâng cấp thêm được 570,92 km. Tổng số km đường được cứng hóa bê tông, nhựa hóa là 1.367,4/1.749,6 km, đạt 78,16%, tăng 35,5% so với năm 2011. Các tuyến đường giao thông được các xã duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo các phương tiện đi lại thuận lợi, cụ thể:

- *Đường trục xã, liên xã:* Toàn huyện đã cứng hoá bê tông được 179,85/179,85 km, đạt 100%; nền đường rộng tối thiểu từ 6- 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5- 6m, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục thôn, liên thôn:* Toàn huyện đã thực hiện cứng hoá bê tông được 649,2/683,7km, đạt 94,9%; nền đường rộng tối thiểu 4-5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường ngõ, xóm:* Toàn huyện đã cứng hoá bê tông được 357,35/440,64 km, đạt 81,1%; các tuyến đường ngõ, xóm nền đường rộng tối thiểu 4-5m,; các tuyến đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục chính nội đồng:* Toàn huyện đã cứng hoá bê tông được 181,05/445,34 km, đạt 40,65%; các tuyến còn lại mặt đường đã lu lèn bằng cấp phối đá dăm, đất cấp III trở lên đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hoá thuận tiện.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 2 Giao thông, đạt 100%.

#### **4.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

- Hệ thống thủy lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi chung của huyện, các công trình thủy lợi trên địa bàn đều đáp ứng yêu cầu, chủ động phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai. Các tuyến kênh trục chính, kênh cấp 1, cấp 2 do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Lục Nam quản lý, thực hiện việc duy tu, cải tạo, nâng cấp định kỳ theo quy định phục vụ điều tiết nước. Các tuyến kênh cấp 3 do UBND xã, thị trấn quản lý, hằng năm được tổ chức nạo vét, dọn cỏ, vớt bèo khơi thông dòng chảy... Trên địa bàn các xã có tổng số 38 đập, hồ chứa nước phục vụ nhu cầu tưới, tiêu; 111 trạm bơm với 149 máy bơm điện; 937 công trình kênh mương với tổng chiều dài 768,86 km, đã cứng hoá 313,61 km, đạt 40,78%. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 22.584,7/24.059,7 ha, đạt 93,87%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là 28.235,6/29.710,6 ha, đạt 95,04%

- 23/23 xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN) theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phù hợp với điều kiện của từng xã; thực hiện kiện toàn thành viên khi có sự thay đổi về nhân sự. 100% cán bộ xã trực tiếp tham gia công tác PCTT-TKCN của các xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Hằng năm, các xã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phân bổ kế hoạch, chuẩn bị vật tư, nhân lực, phương tiện, dụng cụ phục vụ PCTT-TKCN cho các thôn. 100% hộ dân trên địa bàn huyện đều có thiết bị nghe nhìn để tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, bão lũ theo dự báo và khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Các địa phương đã làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về đê điều, công trình thủy lợi. 100% các xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**c) Đánh giá:** Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt Tiêu chí số 3 Thủy lợi và phòng, chống thiên tai, đạt 100%.

#### **4.4. Tiêu chí số 4: Điện**

- Hệ thống các trạm biến áp phân phối, đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn 23 xã được đầu tư đồng bộ, gồm: 1.107,6 km đường dây hạ áp; 407 TBA với tổng công suất 87.575 kVA đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

- Tổng số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn 23 xã: 53.925/53.925 hộ, đạt 100%.

**Đánh giá:** Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt Tiêu chí số 4 Điện, đạt 100%.

#### **4.5. Tiêu chí số 5: Trường học**

Hệ thống trường, lớp các xã được phân bố hợp lý, thuận lợi cho việc học tập. Tại 23 xã có 73 trường học (24 trường Mầm non, 23 trường Tiểu học, 21 trường Trung học cơ sở và 5 trường TH&THCS). Từ năm 2011 đến nay, huyện Lục Nam đã xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hơn 430 phòng học, phòng chức năng... Hệ thống cơ sở vật chất trường lớp học khang trang, rộng rãi, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học của các trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. 05 xã (Lục Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh, Nghĩa Phương, Tam Dị) có từ 03 trường học trở lên tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trên 70%; 18 xã có dưới 03 trường học tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trên 50%.

**Đánh giá:** Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt tiêu chí số 5 Trường học, đạt 100%.

#### **4.6. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa**

Từ năm 2011 đến nay, huyện đã xây mới 19 nhà văn hoá xã, cải tạo nâng cấp 02 nhà văn hoá xã, xây mới, cải tạo sửa chữa 223 nhà văn hoá, khu thể thao thôn.

- 23/23 xã có hội trường văn hoá đa năng diện tích tối thiểu 500 m<sup>2</sup>, với sức chứa trên 200 chỗ ngồi, có phòng chức năng, đảm bảo phục vụ các sự kiện, hội nghị, sinh hoạt văn hóa của xã; 23/23 xã có khu thể thao xã, diện tích từ 2.000m<sup>2</sup> trở lên đảm bảo phục vụ các sự kiện lớn và hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của toàn xã.

- 23/23 xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Trên địa bàn huyện có 637 công trình thể dục thể thao (352 sân bóng chuyền, 123 sân cầu lông, 115 sân bóng đá, 47 bể bơi) và nhiều công trình thể thao chuyên môn khác tại các thôn được trang bị dụng cụ thể dục thể thao cơ bản, cần thiết, duy trì hoạt động thường xuyên, phục vụ tốt nhu cầu rèn luyện thể thao, nâng cao sức khỏe của nhân dân và phòng chống đuối nước cho trẻ em. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 86 điểm vui chơi giải trí dành riêng cho trẻ em được bố trí tại các điểm trường.

- 248/248 thôn có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, sân thể thao đơn giản diện tích từ 300m<sup>2</sup> trở lên, có trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em, người cao tuổi; phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao và đạt chuẩn theo quy định; thiết chế văn hoá tại các thôn được người dân khai thác, sử dụng thường xuyên cho các hoạt động văn nghệ, thể thao thu hút trên 30% dân số tham gia.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hóa, đạt 100%.

#### **4.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Huyện Lục Nam có 15 chợ trong quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh đạt chuẩn theo quy định (03 chợ hạng 2 và 12 chợ hạng 3) và 01 siêu thị (*The City*), đáp ứng được nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hóa, tiêu thụ nông sản của người dân. Đối với các xã không có chợ, tại trung tâm xã và các thôn có 703 cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo phục vụ nhu cầu của nhân dân; các tổ chức, cá nhân kinh doanh đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành, hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 100%

#### **4.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông**

- 23/23 xã đều có điểm phục vụ bưu chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như: Gửi nhận bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo.

- 23/23 xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, internet đến các thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

- 23/23 xã có đài truyền thanh xã, 100% số thôn có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh, hoạt động thường xuyên và hiệu quả. Hệ thống Đài truyền thanh xã được bố trí phòng riêng, có máy phát, máy ghi âm, bộ điều khiển mixer phục vụ

cho việc tiếp âm, tiếp sóng và thực hiện các chương trình phát thanh của địa phương đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- 23/23 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, 100% số xã trên địa bàn đã trang bị máy tính phục vụ công tác cho cán bộ, công chức; 100% cán bộ, công chức xã sử dụng máy vi tính thành thạo trong giải quyết công việc; 100% xã sử dụng hệ thống thư công vụ, gửi nhận văn bản qua mạng internet, sử dụng phần mềm một cửa điện tử.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn Tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông, đạt 100%.

#### **4.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư**

- Huyện Lục Nam đã vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát (từ năm 2011 đến nay, huyện Lục Nam đã triển khai xây dựng được 363 nhà ở từ các chương trình cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn). Vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, cải tạo nâng cấp các công trình phụ trợ. Trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn tại 23 xã: 51.354/53.925 hộ, đạt 95,23%

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn Tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư, đạt 100%.

#### **4.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập**

Huyện Lục Nam đã tập trung chỉ đạo phát triển đồng bộ công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ để tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Sản xuất nông nghiệp được cơ cấu lại theo hướng hiệu quả, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản. Trồng trọt chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, toàn huyện dôn điền, đổi thửa được trên 2.115 ha, xây dựng 33 mô hình cánh đồng mẫu lớn; 38 mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất trong nhà màng, nhà lưới quy mô 8,6 ha (doanh thu tăng gấp 1,2-5 lần so với thông thường). Một số loại cây trồng có lợi thế so sánh tăng nhanh, đã hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực tập trung, quy mô lớn theo quy hoạch, nhiều sản phẩm nằm trong nhóm các huyện dẫn đầu tỉnh (lúa chất lượng, vải thiều, na, nhãn, rau an toàn). Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng/ha. Chăn nuôi của huyện đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại (với 118 trang trại chăn nuôi); một số vật nuôi (đàn gia cầm, đàn lợn) nằm trong nhóm các huyện dẫn đầu tỉnh. Thủy sản phát triển theo hướng thâm canh, thâm canh cao, theo tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học và tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi tiếp tục ngày càng được mở rộng, diện tích nuôi thủy sản theo hướng VietGap và an toàn sinh học đạt 819 ha. Lâm nghiệp phát triển ổn định, bền vững, gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ môi

trường sinh thái; kinh tế rừng ngày càng được khẳng định, không chỉ tạo sinh kế cho người dân vùng sâu, vùng xa, sản xuất lâm nghiệp đã đem lại thu nhập ổn định, thực sự làm giàu cho người dân khu vực miền núi, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn. Huyện xây dựng được 01 chỉ dẫn địa lý Na dai Lục Nam, 13 nhãn hiệu tập thể và 20 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển, là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, huyện đã hình thành 08 cụm công nghiệp với tổng diện tích 381,21 ha (02 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, 02 cụm công nghiệp đang xây dựng, 04 cụm công nghiệp mới được thành lập), đang thực hiện các bước thành lập Khu công nghiệp Yên Sơn-Bắc Lũng diện tích 300 ha; hàng năm tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 5.000 lao động. Tiềm năng du lịch từng bước được khai thác với loại hình chính là Văn hóa - tâm linh, Sinh thái - nghỉ dưỡng, hàng năm thu hút trên 200 nghìn lượt người đến huyện Lục Nam...

Thu nhập bình quân đầu người của huyện năm 2022 đạt 49,1 triệu đồng/người/năm, ước năm 2023 đạt 55,3 triệu đồng/người/năm, tăng 39,2 triệu đồng/người/năm so với năm 2011. Thu nhập bình quân đầu người tại 23 xã ước năm 2023 đạt 52,1 triệu đồng/người/năm (*cao nhất là xã Bảo Đài 55,7 triệu đồng/người/năm, thấp nhất là xã Lục Sơn đạt 44,8 triệu đồng/người/năm*), tăng 37,1 triệu đồng/người/năm so với năm 2011.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn Tiêu chí số 10 Thu nhập, đạt 100%.

#### **4.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều**

Công tác giảm nghèo luôn được huyện quan tâm chỉ đạo với nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ như: Hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, tạo điều kiện tốt nhất cho các hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững. Từ năm 2011 đến nay, đã huy động nguồn lực trong dân và doanh nghiệp để chăm lo cho hộ nghèo: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mua bò giống, gà giống; hỗ trợ hộ nghèo xây mới, cải tạo nhà ở; hỗ trợ hộ nghèo vay vốn tín dụng; hỗ trợ học phí mức 100% cho học sinh là đối tượng thuộc hộ nghèo; hỗ trợ Tết vì người nghèo; 100% số người nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí và được khám chữa bệnh miễn phí ở Trung tâm Y tế huyện. Năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện là 6,56%; ước năm 2023 đạt 4,87%. Tại 23 xã tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 đạt 6,96%, ước năm 2023 đạt 6,27%.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều, đạt 100%.

#### **4.12. Tiêu chí số 12: Lao động**

- Huyện Lục Nam đã xây dựng và triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó tập trung đào tạo nghề trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn huyện. Phát triển cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) toàn huyện đạt 75,35%, tại các xã đều đạt trên 70%.



- Tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ toàn huyện bình quân là 27,77%, tại các xã tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đều đạt trên 20%.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 12 Lao động, đạt 100%.

#### **4.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

- Trên địa bàn 23 xã có 70 Hợp tác xã (HTX) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có 03 HTX Thủy sản; 13 HTX chăn nuôi; 14 HTX Thủy lợi; 20 HTX Trồng trọt; 01 HTX Lâm Nghiệp; 19 HTX NN tổng hợp. 100% các xã đều có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, nổi bật như: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lục Sơn cung cấp nhận quả tươi, sản phẩm được công nhận OCOP 3 sao, tạo việc làm và thu nhập ổn định bình quân 11,9 triệu/thành viên/tháng, ngoài ra HTX còn liên kết với các công ty trong và ngoài tỉnh tiêu thụ nhãn quả cho các hộ sản xuất nhãn trong khu vực; HTX đưa leo quế tại xã Đông Phú thực hiện cung cấp giống, sản xuất và bao tiêu đưa leo quả cho bà con nhân dân và các thành viên HTX, tạo thu nhập ổn định cho các thành viên bình quân 11,3 triệu đồng/người/tháng; HTX Na Nghĩa Phương liên kết tiêu thụ Na cho 54 thành viên HTX, cung cấp quả na cho các tỉnh lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh...

- 100% các xã đều có ít nhất 01 mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương đảm bảo bền vững về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Một số mô hình nổi bật như: Mô hình liên kết sản xuất Nhãn Lục Sơn tại xã Lục Sơn quy mô 50 ha, sản lượng 12,8 tấn/ha, thu nhập người dân đạt 384 triệu đồng/ha; mô hình liên kết sản xuất dưa chuột tại xã Đông Phú quy mô 20 ha, năng suất đạt 65 tấn/ha, thu nhập bình quân đạt 190 triệu đồng/ha; mô hình liên kết sản xuất công nghệ cao trong nhà lưới (áp dụng công nghệ nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới phun sương, tưới nhỏ giọt, áp dụng cơ giới hóa khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch) tại xã Tam Dị quy mô 01 ha, năng suất từ 23-25 tấn/ha/vụ, lợi nhuận từ 350-500 triệu/ha/năm; mô hình liên kết sản xuất na dai tại xã Huyền Sơn quy mô 20 ha, năng suất đạt 8,0 tấn/ha, doanh thu đạt 300 triệu đồng/ha...

- Trên cơ sở xác định sản phẩm chủ lực của địa phương, các xã đã tập trung thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP đảm bảo bền vững. Tại các xã đã hình thành vùng sản xuất vải thiều, nhãn, dưa, na đạt tiêu chuẩn VietGap ở một số xã trọng điểm như: Bình Sơn, Nghĩa Phương, Vô Tranh, Đông Phú, Đông Hưng, Trường Giang, Huyền Sơn, Bảo Sơn, Tam Dị (diện tích vải thiều sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap đạt 3.120 ha; diện tích Na sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap đạt 1.440 ha, chiếm 83,2% diện tích; diện tích dưa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap đạt 300 ha, chiếm 71,4% diện tích; diện tích nhãn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap 300 ha, chiếm 40% diện tích). Vùng sản xuất rau chế biến, rau an toàn đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng đưa vào tiêu thụ tại các siêu thị, khu công nghiệp và cung cấp cho các nhà máy chế biến xuất khẩu với

quy mô diện tích 4.000 ha/năm, chiếm 64,5% tổng diện tích. Huyện Lục Nam đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bảo hộ Chỉ dẫn địa lý cho Na dai Lục Nam; nhãn hiệu hàng hóa tập thể cho 13 sản phẩm (Na dai Lục Nam; Na dai Nghĩa Phương; Dứa Lục Nam; Rượu Núi Huyền; Trà Hoa vàng; Nhãn Lục Sơn; Khoai lang; Khoai sọ; Hạt dẻ; Bưởi Mai Sru; Chả giã tay; dê; chim bồ câu). Ngoài ra, huyện có 20 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên có bao bì nhãn mác và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. 100% số xã đã và đang thực hiện ít nhất 01 mô hình là sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương.

- Trên địa bàn huyện có 03 làng nghề (Làng nghề Dệt thổ cẩm, thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn; Làng nghề Làm giấy gió, thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn; Làng nghề Tân Sơn, xã Bảo Sơn sản xuất kinh doanh hoa, cây cảnh) với tổng số 250 hộ làm nghề. Ngày 05/01/2023, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2023 về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2030, huyện Lục Nam đang tổ chức triển khai các nội dung theo kế hoạch tỉnh, đề xuất nội dung hỗ trợ bảo tồn và phát triển 03 làng nghề trên địa bàn huyện đề nghị tỉnh hỗ trợ thực hiện hàng năm.

- 23/23 xã đã thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng, bước đầu được đánh giá hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp đạt kết quả tốt. Tổ khuyến nông thực hiện tốt các hoạt động như: Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững; dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y; tư vấn, giới thiệu các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ sản phẩm; tư vấn, hướng dẫn người nông dân tiếp cận cơ chế chính sách của nhà nước hỗ trợ người nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp...

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, đạt 100%.

#### **4.14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo**

- 23/23 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nâng lên rõ rệt. 23/23 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*) trên địa bàn huyện năm học 2022-2023 là 2.711/2.829 học sinh, đạt 95,8%. Tại 23 xã tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học đạt 95,4%.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 14 Giáo dục và đào tạo, đạt 100%.

#### **4.15. Tiêu chí số 15: Y tế**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 99,7%, tại 23 xã tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,6%.

- Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế tại các xã được củng cố, đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ tốt việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; công tác kiểm soát và giám sát dịch tễ được chủ động triển khai và không để dịch bệnh lớn xảy ra. 23/23 xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) toàn huyện đạt 20,8%. Tại 23 xã tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (*chiều cao theo tuổi*) đạt 22,2%.

- Trạm Y tế các xã đã cài đặt phần mềm quản lý Trạm Y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm quản lý F0, quản lý tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng Covid-19, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho nhân dân. Tỷ lệ người dân có hồ sơ quản lý sức khỏe tại 23 xã 95,8%.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 15 Y tế, đạt 100%.

#### **4.16. Tiêu chí số 16: Văn hóa**

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển. Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa*" được đẩy mạnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác xây dựng thôn, gia đình văn hoá tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Năm 2022, tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa đạt 90,4% (cao hơn 4,4% so với năm 2011), ước năm 2023 đạt 90,5%; tỷ lệ thôn đạt và giữ vững danh hiệu văn hóa đạt 84,3% (tăng 27,5% so với năm 2011), ước năm 2023 đạt 85%. 100% các thôn đã xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước; nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang chuyển biến tích cực.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, thể thao ở xã, thôn ngày càng được hoàn thiện, đã hình thành hàng trăm câu lạc bộ thể dục, thể thao, văn nghệ duy trì hoạt động đều đặn, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, tạo thành phong trào văn nghệ, thể thao rộng khắp, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; tỷ lệ người dân tập thể thao thường xuyên đạt 30%. Huyện luôn quan tâm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, có 263 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 85 di tích đã được xếp hạng (*gồm 16 di tích xếp hạng quốc gia, 69 di tích xếp hạng cấp tỉnh*); *01 Hương án chùa Khám Lạng được công nhận là bảo vật quốc gia*. Các di tích thường xuyên được tu bổ, tôn tạo (từ năm 2011 đến nay đã có 53 di tích được trùng tu, tôn tạo với tổng kinh phí trên 42 tỷ đồng) đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, hàng năm đã thu hút trên 200 nghìn lượt du khách đến thăm quan, dâng hương góp phần phát triển du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 16 Văn hóa, đạt 100%.

#### **4.17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (*bao gồm những hộ sử dụng máy lọc nước đạt tiêu chuẩn và sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đang hoạt động*) tại 23 xã đạt 69,99%, trong đó 23/23 xã có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đều trên 30%.

- Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề tại 23 xã là 1.760 cơ sở, trong đó có 203/204 cơ sở thuộc đối tượng lập thủ tục BVMT, đạt 99,3% (gồm 138 cơ sở sản xuất kinh doanh, 01 cụm công nghiệp, 36 cơ sở nuôi trồng thủy sản, 25 cơ sở chăn nuôi, 03 làng nghề); còn 01 CCN tại xã Vũ Xá đang hoàn thiện thủ tục về đất đai chưa hoạt động nên chưa có thủ tục môi trường. Có 63/63 hộ kinh doanh thuộc đối tượng đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường với UBND xã. Còn lại 1.556 hộ kinh doanh cá thể (1.193 hộ sản xuất kinh doanh, 247 hộ chăn nuôi, 116 hộ nuôi trồng thủy sản) không thuộc đối tượng phải lập thủ tục về môi trường, trong quá trình hoạt động các cơ sở này đã thực hiện cam kết môi trường với địa phương, thực hiện thu gom, phân loại rác thải, xây dựng công trình xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

- Hàng năm, các xã duy trì hiệu quả ngày ra quân tổng vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 17 hàng tháng và huy động lực lượng tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do huyện và địa phương phát động. Phát động tổ chức từ 2-5 đợt/năm tổng vệ sinh môi trường quy mô toàn huyện, thu hút đông đảo người dân tham gia. Hàng tháng, 100% các xã đều huy động lực lượng tổ chức thực hiện các hoạt động dọn dẹp, phát quang bụi rậm, tổng vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh. Tổ chức trồng hoa, cây xanh ven đường tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp (toàn huyện có 240 tuyến đường hoa cây xanh với tổng chiều dài 184,74 km). 100% khu dân cư các xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư. 100% xã có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Hàng năm, huyện đều xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức phát động Tết trồng cây, chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch và thực hiện phát động tết trồng cây của địa phương tại các địa điểm công cộng, khuôn viên trường học, nhà văn hóa, các tuyến đường giao thông, các điểm di tích. 23/23 xã có đất cây xanh sử dụng cho công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt trên 2m<sup>2</sup>/người.

- Việc mai táng được thực hiện theo đúng quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt cũng như tập quán, phong tục của địa phương, đảm bảo vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh trong việc tang. Tại 23 xã có 233 nghĩa trang nhân dân thường xuyên được chỉnh trang. Tỷ lệ hỏa táng tại các xã đạt 7,56%.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định. 23/23 xã có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Rác thải phát sinh được 10 tổ, đội chuyên trách, 11 HTX và 02 doanh nghiệp thu gom bằng xe cải tiến, xe chuyên dụng, xe công nông, xe ba

gác, xe kéo, xe ô tô đến khu xử lý rác thải của xã, liên xã để đốt bằng bằng lò đốt rác công nghệ đảm bảo về môi trường. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn là 81,814/102,199 tấn/ngày, đạt 80,1%. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được các cơ sở sản xuất phân loại, tái sử dụng, tận dụng làm chất đốt, hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý 4.638/4.638 tấn, đạt 100%. Chất thải rắn xây dựng được người dân và các chủ đầu tư dự án thu gom, phân loại, một phần được tái sử dụng làm chất đốt, vật liệu xây dựng không nung, dụng cụ chứa, đựng, san lấp mặt bằng, tổng lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý trên địa bàn là 890/1.070 tấn đạt 83,2%. Chất thải nông nghiệp thông thường là phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 78.346 tấn/năm, được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón khoảng 68.945 tấn, còn lại được thu gom tập kết tại 06 bãi đổ chất thải rắn xây dựng được quy hoạch, đạt 100%.

- Toàn huyện đã bố trí 565 bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV trên các cánh đồng. Hội liên hiệp Phụ nữ huyện ký hợp đồng với Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình thực hiện việc thu gom, xử lý, khối lượng phát sinh khoảng 10,166 tấn vỏ thuốc BVTV, dự kiến tháng 12/2023 sẽ chuyển giao xử lý. Chất thải rắn y tế tại 23 trạm y tế xã được Trung tâm Y tế huyện hợp đồng với Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình thu gom, vận chuyển, xử lý 9,251/9,251 tấn chất thải rắn y tế, đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch “*sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ*” trên địa bàn 23 xã là 52.788/53.925 hộ, đạt 97,9%.

- Huyện Lục Nam đã chỉ đạo các xã thực hiện quy hoạch các vùng chăn nuôi đảm bảo theo các quy định để khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại, từng bước giảm chăn nuôi trong khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn. Hằng năm, chỉ đạo và thực hiện việc ký cam kết về đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi ở các địa phương. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi tại 23 xã có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 75,2%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Tại 23 xã có 2.566 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống thực hiện đúng quy định về đảm bảo ATTP. Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm đã ký cam kết và tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

- Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện và Kế

hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/2/2023 về hoạt động thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” năm 2023. Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 24.185/53.925 hộ, đạt tỷ lệ 44,8%.

- Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND huyện về việc tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện, qua việc triển khai mô hình, lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tăng đáng kể. Đến nay, tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 284,5/507 kg/ngày, đạt 56,1%.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 100%.

#### **4.18. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

- Tại 23 xã có 467/467 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định, đạt 100%

- 100% xã hằng năm Đảng bộ xã được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- 100% xã có đủ các tổ chức trong Hệ thống chính trị cơ sở theo quy định từ xã đến thôn gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. 100% Tổ chức chính trị - xã hội hằng năm đều được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- 100% xã được Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022. Tổng số điểm của các tiêu chí đều đạt từ 90 điểm trở nên, tổng số điểm của từng tiêu chí đều đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên, trong năm đánh giá không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội được quan tâm: 23/23 xã đều có nữ lãnh đạo chủ chốt và quy hoạch lãnh đạo chủ chốt (có 9/23 nữ lãnh đạo đã bổ nhiệm, có 14/23 xã có quyết định phê duyệt quy hoạch lãnh đạo nữ chủ chốt). Có trên 33% phụ nữ tham gia Hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em trên hệ thống thông tin cơ sở về luật pháp, chính sách, cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, các xã thực hiện bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong

số các công chức cấp xã, có mô hình “địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh” cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt chuẩn. Không có nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng, không có trường hợp trẻ em bị xâm hại. 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đều được bảo vệ và trợ giúp xã hội.

- 23/23 xã có xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn hằng năm. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Ban công tác Mặt trận thôn với cấp ủy, trưởng thôn trong công tác vận động, tuyên truyền, tập huấn cho người dân trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Hằng năm, ít nhất 12% số nhân khẩu (trong độ tuổi lao động) trên địa bàn được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 100%.

#### **4.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh**

- Về Quốc phòng: Đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự của 23/23 xã được tổ chức biên chế theo quy định (*Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm*). 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở. Hằng năm, được tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn. 23/23 xã đã bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự, có đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Tỷ lệ đảng viên trong Dân quân đạt 23,5%. 100% thôn đội trưởng là đảng viên. Hằng năm, 100% số xã hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng. 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký vào ngạch dự bị động viên và được quản lý chặt chẽ. 100% quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác diễn tập trên địa bàn xã.

- Về an ninh, trật tự xã hội: Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội của 23/23 xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định: Hằng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết; UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã triển khai có hiệu quả nhiều biện pháp bảo đảm ANTT; Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên, Khối Dân vận Đảng ủy, Quân sự chủ động, tích cực phối hợp với Công an xã trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng, duy trì 417 mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự cơ sở. Huyện đã hoàn thành việc điều động, phân công 131 cán bộ Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 100% xã, thị trấn; triển khai hiệu quả Đề án lắp đặt Camera giám sát an ninh tại các khu vực tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự. Trên địa bàn không có khiếu kiện đông người, kéo dài trái pháp luật; tình hình an ninh nông thôn ổn định; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi

phạm pháp luật khác được kiểm chế; các xã đều được Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”; lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh góp phần quan trọng bảo đảm ổn định ở cơ sở, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng nông thôn mới bền vững. Trên địa bàn huyện không có xã, thị trấn nằm trong địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.

*Đánh giá:* Đến nay, 23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đạt chuẩn tiêu chí số 19 Quốc phòng và An ninh, đạt 100%.

**5. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã** (Theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Huyện Lục Nam có 03/23 xã (Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài), đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 13,04% tổng số xã, cụ thể:

### **5.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

- 3/3 xã có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn, các xã đã tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung theo đồ án quy hoạch vùng huyện Lục Nam được phê duyệt.

- 3/3 xã đã xây dựng quy chế quản lý làm cơ sở triển khai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- 3/3 xã đã quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, định hướng đô thị hóa theo quy hoạch của huyện, của tỉnh.

*Đánh giá:* 03/03 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch.

### **5.2. Tiêu chí số 02: Giao thông**

- *Đường trục xã, liên xã:* Tổng chiều dài đường trục xã, liên xã của 03 xã 33,84 km, đã cứng hóa bê tông 33,84 km, đạt 100%. Toàn bộ các tuyến đường xã đều được bảo trì hằng năm và đảm bảo sáng-xanh-sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

- *Đường trục thôn, liên thôn:* Tổng chiều dài đường trục thôn, liên thôn của 03 xã 96,41 km, đã cứng hóa bê tông 96,41 km, đạt 100%. Các tuyến đường đều được bố trí các hạng mục cần thiết theo quy định (*biên bảo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*), đảm bảo đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp.

- *Đường ngõ xóm:* Tổng chiều dài đường ngõ xóm của 03 xã 69,1 km, đã cứng hóa bê tông 65,7 km, đạt 95,07%. Các tuyến đường không lầy lội vào mùa mưa và đường đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp theo quy định.

- *Đường nội đồng:* Tổng chiều dài đường nội đồng của 03 xã 63,6 km, đã cứng hóa bê tông 29,44 km, đạt 46,29%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

*Đánh giá:* 03/03 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông.



### 5.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp của 03 xã được tưới tiêu chủ động đạt trên 95% (tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động của 03 xã Đông Phú, Đông Hưng, Bảo Đài lần lượt là 100%, 98,43%, 100%; tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tưới chủ động của 03 xã Đông Phú, Đông Hưng, Bảo Đài lần lượt là 100%, 98,77%, 100%)

- Mỗi xã đều có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động, bền vững. Xã Bảo Đài có HTX dùng nước Bảo Đài; Xã Đông Hưng có Tổ Hợp tác Đồng Xung; Xã Đông Phú có Tổ Hợp tác dùng nước xã Đông Phú.

- Tổng diện tích cây trồng chủ lực của 03 xã là 1.020,76 ha, diện tích được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước là 476,38ha, đạt 46,67%, trong đó: Xã Đông Phú 171,5/345 ha, đạt 49,7%; xã Đông Hưng 223,1/512,85 ha, đạt 43,5%; xã Bảo Đài 81,78/162,91 ha, đạt 50,2%.

- 100% các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được UBND xã chỉ đạo các thôn huy động nhân dân bảo trì hằng năm, tổ chức nạo vét, khơi thông đảm bảo phục vụ tưới tiêu diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo đúng kế hoạch đề ra.

- Trên địa bàn 03 xã Đông Hưng, Đông Phú và Bảo Đài không có khu, cụm công nghiệp, không có các công ty, doanh nghiệp sản xuất lớn đóng trên địa bàn, các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ chất thải của gia súc, gia cầm ít, đa số được sử dụng bón cho cây trồng, nên không có các nguồn gây ô nhiễm chảy xuống công trình thủy lợi.

- Công tác chủ động PCTT-TKCN theo phương châm 4 tại chỗ luôn được 03 xã quan tâm, ban hành Nghị quyết để chỉ đạo triển khai thực hiện. UBND xã thành lập Ban chỉ huy PCTT-TKCN, xây dựng kế hoạch PCTT-TKCN; Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, xây dựng các phương án cụ thể chi tiết để thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, theo phương châm 4 tại chỗ đúng quy định. Kết quả chấm điểm hàng năm đều xếp loại khá.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.*

### 5.4. Tiêu chí số 4: Điện

Hệ thống trạm biến áp, các đường dây trung áp, hạ áp được đầu tư đồng bộ và đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của nhân dân trên địa bàn 03 xã. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định tại 03 xã: 8.239/8.239 hộ, đạt 100% (xã Bảo Đài 2.904 hộ; xã Đông Hưng 2.401 hộ và xã Đông Phú là 2.934 hộ).

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 04 về Điện.*

### 5.5. Tiêu chí số 05: Giáo dục

- Trên địa bàn 03 xã có 9/9 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 3/9 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (xã Bảo Đài có trường Mầm non Bảo Đài; xã Đông Phú có trường tiểu học Đông Phú; xã Đông Hưng có trường tiểu học Đông Hưng).

- 3/3 xã duy trì và nâng chất lượng trường đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. 100% số lớp 5 tuổi đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu, được học phòng học kiên cố đảm bảo diện tích theo qui định.

- 3/3 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- 3/3 xã có Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động rất phong phú và đa dạng được đánh giá, xếp loại khá. Thực hiện tốt chức năng xóa mù chữ và nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân, tuyên truyền phổ biến pháp luật, hình thành kỹ năng lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống, học tập theo sở thích, các dịch vụ thông tin, văn hoá địa phương, thể dục thể thao...

- 3/3 xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền đáp ứng yêu cầu giáo dục cả về tri thức và rèn luyện sức khỏe học sinh (*Trường mầm non xã Bảo Đài có phòng phát triển thể chất, trường tiểu học xã Đông Phú và xã Đông Hưng đều có nhà đa năng để rèn luyện sức khỏe thể lực học sinh, trong đó tập trung một số mô hình sau: bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông, cờ vua...*)

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 05 về Giáo dục.*

### 5.6. Tiêu chí số 6: Văn hoá

- 3/3 xã đều lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở nhà văn hóa thôn, xã đáp ứng nhu cầu luyện tập thể dục thể thao cho người dân. Hằng năm, các xã đều tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, văn nghệ thường xuyên tổ chức giao hữu thể thao các ngày lễ lớn như Mừng Đảng mừng xuân, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc khánh 2/9...bảo đảm thiết thực, hiệu quả, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia hưởng ứng.

- Các Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định. Tại 3 xã có 01 di tích xếp hạng cấp quốc gia (*Đình Đại Từ - Bảo Đài*); có 05 di tích xếp hạng cấp tỉnh (*Chùa Đại Từ - Bảo Đài; Đình Rìa, Đình Va, Đình Gấn, Chùa Trắng - Đông Phú*).

- Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới của 03 xã được đẩy mạnh, đời sống văn hoá tinh thần của người dân được nâng lên. Năm 2022, xã Đông Hưng có 12/13 thôn đạt làng văn hóa (92,3%) và 01 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; xã Bảo Đài có 10/11 thôn đạt làng văn hóa (90,9%) và 02 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; xã Đông Phú có 17/17 thôn đạt làng văn hóa (100%) và 01 thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Các xã đều có trên 15% tổng số thôn văn hóa được UBND huyện khen thưởng; trên 15% tổng số gia đình văn hóa được UBND xã được biểu dương, khen thưởng.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 6 về Văn hoá.*

### **5.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Các xã Bảo Đài, Đông Phú, Đông Hưng không có chợ, theo hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 không đánh giá tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn với 03 xã Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.*

### **5.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông**

- 03/03 xã đều có bưu điện văn hoá xã được trang bị cơ sở vật chất gồm máy vi tính, máy in, cân điện tử, internet đảm bảo cho việc tổ chức cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh tại 03 xã đạt từ 80% trở lên, trong đó xã Đông Hưng 6.115/6.191 người, đạt 98,7%, xã Đông Phú 6.100/6.259 người, đạt 97,4%, xã Bảo Đài 5.749/6.763 người, đạt 85%.

- 03/03 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 50%; 100% các sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên sàn thương mại điện tử.

- Các hộ gia đình tại 03 xã đều xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp, truyền hình số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet. Trong địa bàn 03 xã đều có một điểm cung cấp xuất bản phẩm tại Bưu điện văn hoá xã.

- 03/03 xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 08 về Thông tin và truyền thông.*

### **5.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư**

Tỷ lệ hộ có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố tại 03 xã đều đạt trên 90%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 92,29%; xã Đông Phú đạt 95,64%; xã Bảo Đài đạt 96,87%.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư.*

### **5.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập**

Thu nhập bình quân đầu người tại 03 xã đều đạt trên chuẩn về tiêu chí thu nhập đối với xã nông thôn mới nâng cao, trong đó: Xã Đông Hưng năm 2022 đạt 49,9 triệu đồng/người/năm, ước năm 2023 đạt 54,8 triệu đồng/người/năm; xã Đông Phú năm 2022 đạt 49,7 triệu đồng/người/năm, ước năm 2023 đạt 55,6 triệu đồng/người/năm; xã Bảo Đài năm 2022 đạt 50,1 triệu đồng/người/năm, ước năm 2023 đạt 55,7 triệu đồng/người/năm.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập.*

### **5.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (*không tính hộ nghèo không có khả năng lao động*) năm 2022 tại 03 xã đều dưới 8%, trong đó: Xã Đông Hưng là 6,54%, xã Đông Phú là 3,62%, xã Bảo Đài là 4,81%; ước năm 2023 xã Đông Hưng là 5,31%, xã Đông Phú là 2,51%, xã Bảo Đài là 3,43%.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều.*

### **5.12. Tiêu chí số 12: Lao động**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (*áp dụng cho cả nam và nữ*) tại 03 xã năm 2023 đều đạt trên 75%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 75,99%, xã Đông Phú đạt 77,12%, xã Bảo Đài đạt 78,99%.

- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ (*áp dụng cho cả nam và nữ*) tại 03 xã năm 2023 đều đạt trên 25%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 26,6%, xã Đông Phú đạt 26,71%, xã Bảo Đài đạt 28,28%.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề chủ lực tại 03 xã năm 2023 đều đạt trên 73%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 77,26%, xã Đông Phú đạt 73,6%, xã Bảo Đài đạt 73,4%.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động.*

### **5.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

- 3/3 xã đều có HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. Xã Đông Phú có 04 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tiêu biểu là HTX dịch vụ nông nghiệp xã Đông Phú, HTX Dưa leo quê Lục Nam có sản phẩm OCOP 3 sao. Xã Đông Hưng có 02 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tiêu biểu HTX chăn nuôi Hà Thành, HTX nông nghiệp xanh. Xã Bảo Đài có 08 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tiêu biểu HTX nông sản Lục Nam, HTX dịch vụ nông nghiệp Quyền Huyền. Các sản phẩm của HTX đều có hợp đồng bao tiêu sản phẩm ổn định ngay từ đầu mỗi vụ sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo ra các sản phẩm nông sản an toàn, chất lượng cung cấp cho người tiêu dùng, mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- 3/3 xã đều có sản phẩm OCOP, xã Đông Hưng có sản phẩm Đông trùng hạ thảo khô đạt 4 sao, xã Bảo Đài có sản phẩm Dưa lưới đạt 3 sao, xã Đông Phú có sản phẩm Dưa chuột đạt 3 sao.

- 3/3 xã có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. Xã Đông Phú và Bảo Đài có mô hình nhà màng, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao, chuyên sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như dưa lưới, hoa cao cấp, áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, có liên kết theo chuỗi gắn với bao tiêu sản phẩm. Xã Đông Hưng có mô hình sản xuất Đông trùng hạ thảo ứng dụng nuôi cấy mô trong nhân tạo giống. Các mô hình đều là mô hình điển hình tiên tiến của huyện, được đánh giá hiệu quả kinh tế cao và nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh đến thăm quan học tập.

- 3/3 xã đều có sản phẩm ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. Xã Bảo Đài có sản phẩm Dưa lưới của HTX nông sản an toàn Lục Nam có tem truy xuất nguồn gốc, bao bì sản phẩm và được đánh giá sản phẩm OCOP 3 sao. Xã Đông Hưng có sản phẩm Đông trùng hạ thảo khô của Công ty TNHH Dược liệu Trường Thọ được bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm, có tem truy xuất nguồn gốc, được chứng nhận sản phẩm OCOP 4 sao. Xã Đông Phú có sản phẩm Dưa chuột của HTX dưa leo quê Lục Nam có chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm, có tem truy xuất nguồn gốc, bao bì đóng gói và được chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử tại 03 xã đều đạt trên 10% như Dưa lưới xã Bảo Đài, Dưa chuột xã Đông Phú, Đông trùng hạ thảo xã Đông Hưng, các sản phẩm được bán qua kênh thương mại điện tử như: Facebook, Zalo, trang điện tử ....

- 3/3 xã đều có mã vùng trồng xuất khẩu đảm bảo yêu cầu. Vùng sản xuất Dưa hấu xã Bảo Đài được cấp mã vùng trồng xuất khẩu thị trường Trung Quốc với diện tích 75,7 ha; xã Đông Phú được cấp mã vùng trồng Dưa hấu xuất khẩu thị trường Trung Quốc diện tích 50,2 ha; xã Đông Hưng có 02 mã vùng trồng Vải thiều xuất khẩu thị trường Thái Lan diện tích 20,6 ha.

- 3/3 xã có triển khai quảng bá thông tin về xã, hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội, trang thông tin điện tử của xã. Các khu di tích, điểm du lịch của các xã cũng được quảng bá trên cổng thông tin điện tử của huyện.

- 3/3 xã đều có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và không gây ô nhiễm môi trường như: Mô hình nuôi cấy nấm Đông trùng hạ thảo tại xã Đông Hưng; mô hình công nghệ cao sản xuất các loại cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao như hoa ly, hoa cát tường, dưa chuột maya, dưa lưới Hàn Quốc tại xã Bảo Đài; chuỗi liên kết sản xuất đậu tương rau tại xã Đông Phú.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.*

#### **5.14. Tiêu chí số 14: Y tế**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tại 03 xã đạt trên 99%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 99,5%, xã Đông Phú đạt 99,7%, xã Bảo Đài đạt 99,5%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tại 03 xã đều đạt trên 95%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 95,5%, xã Đông Phú đạt 93,2%, xã Bảo Đài đạt 96,5%.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tại 03 xã đều đạt trên 70%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 78%, xã Đông Phú đạt 70%, xã Bảo Đài đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử tại 03 xã đều đạt trên 70%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 78%, xã Đông Phú đạt 70%, xã Bảo Đài đạt 70%.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 14 về Y tế.*

### **5.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công**

- 3/3 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, có mạng internet cáp quang băng rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng. 100% các máy tính của cán bộ, công chức đã thực hiện cài đặt các phần mềm phục vụ quản lý điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình theo đúng quy định.

- 3/3 xã đã công khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã. Tỷ lệ hồ sơ xử lý, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 04 của 03 xã Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài đạt 100%.

- 100% thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, không có trường hợp khiếu nại vượt cấp.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Hành chính công.*

### **5.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật**

- 3/3 xã có ít nhất một mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận và hoạt động có hiệu quả, đảm bảo theo quy định.

- 3/3 xã tỷ lệ *mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải phải hòa giải, các xã đều thực hiện hòa giải thành công đạt trên 95%*.

- Tại 03 không phát sinh vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý

*Đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật.*

### **5.17. Tiêu chí số 17: Môi trường**

- Trên địa bàn 03 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có quy mô phải xây dựng hạ tầng về bảo vệ môi trường.

- Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản tại 03 xã là 178 cơ sở (không có làng nghề truyền thống), trong đó có 09/09 cơ sở thuộc đối tượng phải lập thủ tục BVMT đã hoàn thành việc lập các hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết trong hồ sơ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, chấp thuận. Còn lại 169 hộ kinh doanh cá thể không thuộc đối tượng phải lập thủ tục về môi trường trong quá trình hoạt động các cơ sở này đã thực hiện cam kết môi trường với địa phương, đạt 100%.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đều đạt trên 80%. Chất thải rắn sinh hoạt tại 03 xã được 01 tổ chuyên trách và 02 HTX thu gom, xử lý rác thải của xã thu gom, vận chuyển đến bãi rác tập trung của xã để xử lý bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là 13,417/16 tấn/ngày, đạt 83,9%. Chất thải rắn công nghiệp thông thường các cơ sở sản xuất phân loại, tái sử dụng và tận dụng làm chất đốt hoặc chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý là 308/308 tấn, đạt 100%. Chất thải rắn xây dựng được người dân và các chủ đầu tư thu gom, phân loại, một phần được tái sử dụng làm chất đốt, dụng cụ chứa, đưng, san lấp mặt bằng, tổng lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý hằng năm là 99/117 tấn, đạt 84,6%. Chất thải rắn nông nghiệp là phụ phẩm từ các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón, được thu gom, xử lý hàng năm là 14.387/14.387 tấn, đạt 100%...

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả tại 03 xã là 8.239/8.239 hộ, đạt 100%. 100% khu dân cư các xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư.

- Các xã đã xây dựng Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón vi sinh tại hộ gia đình, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn tại 03 xã là 4.696/8.239 hộ, đạt 57%.

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn 03 xã từ hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt hộ gia đình là 803 kg/năm, từ sản xuất nông nghiệp (vỏ bao bì TBVTV) với tổng lượng phát sinh hàng năm khoảng 1.562 kg, từ hoạt động khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã khoảng 478 kg/năm, toàn bộ lượng chất thải nguy hại được thu gom và được chuyển giao cho Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình vận chuyển, xử lý theo quy định, đạt 100%.

- 03/03 xã tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt trên 90%, trong đó: Xã Đông Hưng đạt 99,53%; xã Đông Phú đạt 90,22%; xã Bảo Đài đạt 91%.

- 03 xã đã thực hiện việc quy hoạch các vùng chăn nuôi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại, từng bước giảm chăn nuôi trong khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn. Chỉ đạo các cơ sở chăn nuôi thực hiện ký cam kết về đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại 03 xã có 30/32 cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 93,7%, trong đó: Xã Đông Hưng 13/13 cơ sở, Đông Phú 10/12 cơ sở, Bảo Đài 7/7 cơ sở.

- 3/3 xã nghĩa trang đều đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch. Được các xã và nhân dân địa phương thường xuyên chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp như: Xây công; tường bao xung quanh; trồng cây xanh cách ly; đường vào khu nghĩa trang, công tác vệ sinh môi trường được thực hiện theo quy định đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân. Các xã đều xây dựng quy chế quản lý theo quy định; việc mai táng được thực hiện theo quy chế quản lý nghĩa trang, phù hợp phong tục tập quán và nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Từ năm 2022 đến nay, tại 03 xã tỷ lệ người chết sử dụng hình thức hỏa táng là 62/172 người, đạt 35,23%.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn tại 03 xã đảm bảo đạt trên 4m<sup>2</sup>/người, trong đó: xã Đông Hưng đạt 4,52m<sup>2</sup>/người; xã Đông Phú đạt 4,41m<sup>2</sup>/người; xã Bảo Đài đạt 4,5m<sup>2</sup>/người.

- Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh tại 03 xã khoảng 76 kg/ngày, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 45,8 kg/ngày, đạt 60,3%.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường.*

### **5.18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung đang hoạt động (xã Đông Hưng, Đông Phú được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đông Hưng và Đông Phú, huyện Lục Nam; xã Bảo Đài được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các xã Khám Lạng, Chu Điện và Phương Sơn) đều trên 35%.

- 3/3 xã được cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm trên 60 lít/người/ngày đêm, trong đó: Xã Đông Phú, Đông Hưng đạt 60 lít/người/ngày đêm, xã Bảo Đài đạt 65 lít/người/ngày đêm.

- 03/03 xã có công trình cấp nước tập trung được tổ chức quản lý khai thác hoạt động bền vững (*Xã Đông Hưng, Đông Phú là hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đông Hưng, Đông Phú; xã Bảo Đài được sử dụng nước từ hệ thống cấp nước SHTT các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn*), đạt 100%.

- 328/328 chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm

- 3/3 xã thời gian qua không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Trên địa bàn 03 xã có 90 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (*41 cơ sở thuộc cấp xã quản lý và 49 cơ sở thuộc cấp huyện quản lý*) đã cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 11 cơ sở, còn 79 cơ sở đã được ký cam kết sản xuất, kinh doanh an toàn, đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh; thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch tại 03 xã là 8.159/8.239 hộ, đạt 99,03%.



- Trên địa bàn 03 xã thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường; không có bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống.*

### **5.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh**

- Hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân tại 03 xã được nâng cao. 3/3 xã hoàn hành 100% chỉ tiêu tuyển quân, phát triển dân quân; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện Dân quân tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho các đối tượng; 3/3 xã đạt 10 tiêu chuẩn xây dựng xã vững mạnh về quân sự quốc phòng địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới; lực lượng dân quân tự vệ các xã được quan tâm xây dựng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng.

- Tình hình an ninh trật tự xã hội tại 03 xã đảm bảo ổn định, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác trên địa bàn đã được kiểm chế; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng; các xã đã lắp đặt camera an ninh và thực hiện các mô hình (phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy) gắn với phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; 100% thôn, cơ quan và trường học của 03 xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo quy định.

*Đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh.*

**6. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

#### **6.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Đạt

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt:  $\geq 01$  công trình.

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Ngày 21/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1182/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000). Nội dung quy hoạch vùng huyện đã cập nhật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022). Đồ án quy hoạch vùng huyện Lục Nam đã quy hoạch các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tại các xã: Bảo Đài, Đông Hưng, Đông Phú, Tam Di, Nghĩa Phương, Cẩm Lý, Lục Sơn, Bình Sơn. Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-

UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, hiện nay huyện Lục Nam đang rà soát, xác định các nội dung điều chỉnh quy hoạch vùng huyện để đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch tỉnh.

- Thực hiện quy hoạch vùng huyện được phê duyệt, huyện Lục Nam đã và đang triển khai các dự án: Dự án tuyến đường kết nối QL 37 đi QL 31 (đoạn từ Cầu Sen đi Cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam với chiều dài khoảng 5,6km; Xây dựng tuyến đường nối từ QL31 đi ĐT 293 (đoạn Phương Sơn-Yên Sơn) huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang với chiều dài 3km; Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam; Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn huyện Lục Nam với quy mô công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngđ...

**c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

## **6.2. Tiêu chí số 2: Giao thông**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch: 100%.

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường  $\geq 50\%$ .

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo Quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Huyện Lục Nam có 07 tuyến đường huyện được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn, được bảo trì hàng năm đảm bảo kết nối thuận tiện đến 25/25 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Huyện có 74,15/74,15 km đường huyện đã được cứng hóa bê tông, trải nhựa, đạt 100%, đường được đầu tư xây dựng, nâng cấp đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005. 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố đạt tiêu chuẩn theo quy hoạch.

- Hằng năm, huyện Lục Nam đều phát động trồng cây trên các tuyến đường giao thông huyện, xã góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh là 46/74,15 km, đạt 62,04%.

- Trên địa bàn huyện có Bến xe khách Lục Nam tại phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô với diện tích 2.700m<sup>2</sup> đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 4, đảm bảo nhu cầu đi lại của hành khách và vận chuyển hàng hóa theo Quyết định số 133/QĐ-SGTVT ngày 15/3/2023 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Giang về việc công bố hoạt động của bến xe khách. Bến xe khách Lục Nam hiện đang được Công ty CPXK Bắc Giang quản lý.

**c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

### **6.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Lục Nam được phân cấp quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Hệ thống thủy lợi liên xã được kết nối đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch (trên địa bàn huyện có 11 đập, hồ chứa nước có dung tích hữu ích từ 500.000 m<sup>3</sup> đến 6,27 triệu m<sup>3</sup>; 04 trạm bơm với tổng số 31 tổ máy bơm, động cơ 33 Kw). Hệ thống thủy lợi, đê bao được duy tu, sửa chữa thường xuyên phục vụ tốt cho công tác phòng chống lụt bão, tiêu thoát nước và phục vụ sản xuất của người dân. Hằng năm, các tuyến đê được nâng cấp, kè bổ sung trước các mùa mưa bão. Các tuyến kênh mương nội đồng được nạo vét, đảm bảo thông thoáng thuận tiện cho việc tưới tiêu, thoát nước.

Trên địa bàn huyện có Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Bắc Sông Thương (trực tiếp là Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang) hoạt động có hiệu quả, phục vụ tốt cho 100% diện tích sản xuất. Được giao quản lý 225,91 km kênh, trong đó: Kênh cấp I dài 48,21km (*hệ thống kênh Yên Lại dài 20,36 km, kênh tưới Bảo Sơn dài 15,1 km, kênh tiêu tự chảy Bảo Sơn 12,75 km*); Tổng chiều dài các tuyến kênh cấp II là 138,55 km. Tổng chiều dài các trục kênh tiêu Động lực là 39,15km (*Tiêu T1, T2 trạm bơm Khám Lạng là 3,2km; Các trục tiêu hệ trọng lực: Ngòi Bảo Đài (Ngòi Sen), Ngòi Quăn, Suối Gan với tổng chiều dài 35,95km*).

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện được thành lập theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện Lục Nam; được kiện toàn, bổ sung, thay đổi thành viên Ban Chỉ huy tại Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 và Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện Lục Nam; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ; 100% đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã được tổ chức tập huấn, hướng dẫn, huấn luyện. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của huyện đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bão lụt, 100% hộ dân trên địa bàn huyện đều có thiết bị nghe nhìn để tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, bão lũ theo dự báo và khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Huyện và 100% xã trên địa bàn đều đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

#### **c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

### **3.4. Tiêu chí số 4: Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí:** Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn theo quy định tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương; đảm bảo đồng bộ, đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương và Thông tư 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương.

Trên địa bàn huyện hiện có 02 đơn vị đang thực hiện quản lý và kinh doanh điện, gồm Điện lực Lục Nam và HTX tiêu thụ điện thị trấn Phương Sơn. Tổng số trạm biến áp phân phối của huyện là 483 TBA với công suất 112.285kVA; 476,5km đường dây trung thế (35kV và 22kV); 1.278,4km đường dây hạ thế 0,4 kV (từ các nguồn vốn, ngành điện đã đầu tư thay thế toàn bộ lưới điện cũ, xây dựng các nhánh mới bằng dây nhôm AL vỏ bọc PVC, cải tạo, thay thế 80,32km đường dây trung thế và xây dựng 135 trạm biến áp) đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện; một số tuyến đường dây điện ở trung tâm huyện, các khu đô thị, khu dân cư mới tại các xã được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan, an toàn hành lang.

#### **c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

### **6.5. Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục**

#### **a) Yêu cầu tiêu chí**

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn;
- Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hoá - thể thao kết nối với các xã;
- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên đạt  $\geq 60\%$ ;
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **b) Kết quả thực hiện**

- Trung tâm Y tế huyện Lục Nam là đơn vị hạng II trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Giang được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Khóic khám chữa bệnh (BVĐK cũ) được xếp hạng II từ năm 2015 theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xếp hạng II đối với Bệnh viện Đa khoa huyện Lục Nam. 25 trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế.

- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Lục Nam được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa hai đơn vị (*Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện*) theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện được xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 11/2010/TT- BVHTTDL ngày 22/12/2010. Về cơ cấu tổ chức: Trung tâm có 22 cán bộ, viên chức, gồm: Ban giám đốc (*gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc*) và 03 phòng chuyên môn (*phòng Hành chính - Tổng hợp; phòng Thông tin tuyên truyền; phòng Văn hoá - Thể thao*). Về cơ sở vật chất: Trung tâm có đủ các phòng làm việc, phòng chức năng (Hội trường trung tâm diện tích 1.500m<sup>2</sup> có sức chứa 375 chỗ ngồi; có đầy đủ công trình phụ trợ, sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà với diện tích 207m<sup>2</sup>, có đầy đủ các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng), các phòng thi đấu, tập luyện (01 sân vận động huyện có diện tích trên 10.000 m<sup>2</sup>, có sân khấu, khán đài; 02 nhà luyện tập và thi đấu thể thao diện tích trên 500m<sup>2</sup> ) đảm bảo đáp ứng các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện. Trung tâm được trang bị 01 xe chuyên dụng đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với cơ sở có hiệu quả như: Mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhà văn hóa, câu lạc bộ và hạt nhân phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật theo nguyện vọng cho các đối tượng; hằng năm tổ chức 3-5 các hội thi, hội diễn văn, 10-12 giải thi đấu thể dục, thể thao cấp huyện; hướng dẫn việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy loại hình nghệ thuật dân gian cho các câu lạc bộ hát dân ca quan họ, ca trù, chèo... trên địa bàn huyện.

- Trên địa bàn huyện có 6 trường THPT, trong đó có 4 trường công lập (*THPT Lục Nam, Phương Sơn, Cẩm Lý, Tứ Sơn*) và 2 trường tư thục (*Đồi Ngô, Thanh Lâm*). Huyện có 4/6 trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 66,7% (*trường THPT Lục Nam tại Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 21/9/2020; trường THPT Tứ Sơn tại Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 21/9/2020; trường THPT Phương Sơn tại Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 11/5/2020; trường THPT Cẩm Lý tại Quyết định số 3519/QĐ-UBND ngày 29/12/2022*), cụ thể:

+ Trường THPT Lục Nam có tổng diện tích đất là 27.027m<sup>2</sup>, trường có 42 lớp học với 1.764 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định.

+ Trường THPT Phương Sơn có tổng diện tích đất là 15.614m<sup>2</sup>, trường có 30 lớp học với 1.223 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng

chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh.

+ Trường THPT Cẩm Lý có tổng diện tích đất là 12.860m<sup>2</sup>, trường có 30 lớp học với 1.159 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định.

+ Trường THPT Tứ Sơn có tổng diện tích đất là 19.165m<sup>2</sup>, trường có 30 lớp học với 1.161 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định.

+ Hiện còn 02 trường (trường THPT Đồi Ngô, trường THPT Thanh Lâm) chưa đạt chuẩn quốc gia, tuy nhiên cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, trong đó: Trường THPT Đồi Ngô có tổng diện tích đất là 3.659m<sup>2</sup>, trường có 11 lớp học với 443 học sinh; Trường THPT Thanh Lâm có tổng diện tích đất là 6.225m<sup>2</sup>, trường có 11 lớp học với 466 học sinh

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lục Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định 304/QĐ-SGDĐT ngày 28/4/2023 của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang.

### ***c) Đánh giá tiêu chí: Đạt***

#### **6.6. Tiêu chí số 6: Kinh tế**

##### ***a) Yêu cầu tiêu chí***

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.
- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.
- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.
- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

##### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Trên địa bàn huyện có 08 CCN với quy mô 381,21ha đều có Quyết định thành lập của UBND tỉnh và nằm trong danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong tổng số 08 CCN hiện có 06 CCN được lập quy hoạch chi tiết chung cho toàn cụm và được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (gồm CCN Già Khê, CCN Đồi Ngô, CCN Vũ Xá, CCN Lan Sơn, CCN Lan Sơn 2, CCN Tiên Hưng); còn 02 CCN mới được thành lập, hiện Nhà đầu tư đang tích cực phối hợp với địa phương và cơ quan liên quan triển khai lập hồ sơ quy hoạch chi tiết (gồm CCN Phương Sơn-Đại Lâm và CCN Khám Lạng). Trong 06 CCN đã có quy hoạch chi tiết được duyệt đến nay đã có 02 CCN (CCN Già Khê

và CCN Đồi Ngõ) đã thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xong đã đi vào hoạt động, còn lại 04 CCN đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra khu công nghiệp Yên Sơn-Bắc Lũng với quy mô 300ha đang được tỉnh lập chủ trương đầu tư.

- Chợ Thanh Xuân - thị trấn Đồi Ngõ được hình thành từ năm 1985, sau đó năm 2015 chợ được UBND thị trấn Đồi Ngõ cải tạo, nâng cấp lại chợ hạng 2 với diện tích 6.484m<sup>2</sup>, đảm bảo các yêu cầu chung về chợ kinh doanh thực phẩm. Chợ có vị trí tại trung tâm huyện nằm tại thị trấn Đồi Ngõ, thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn Đồi Ngõ; Ban quản lý chợ được thành lập gồm 03 thành viên. Chợ được UBND huyện Lục Nam phê duyệt nội quy, phương án bố trí sắp xếp ngành nghề kinh doanh, có phương án phòng cháy chữa cháy của cơ sở được Công an huyện Lục Nam phê duyệt theo quy định. Tổng số hộ kinh doanh 348 hộ, trong đó có 57 ký ốt, 291 quán bán hàng cố định và một số hộ kinh doanh không thường xuyên, được bố trí riêng biệt các khu bán hàng rau quả, hàng ra dụng, thực phẩm tươi sống...

- Huyện Lục Nam đã hình thành được nhiều vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện như: Vùng lúa chất lượng tập trung 700 ha tại các xã: Đông Hưng, Tam Dị, Đan Hội, Cẩm Lý, Vũ Xá, Bắc Lũng, Yên Sơn, Khám Lạng...; vùng cây ăn quả trên 6.500 ha tại các xã: Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Nghĩa Phương, Trường Giang, Đông Hưng, Đông Phú, Huyền Sơn..., trong đó có vùng vải thiều 3.500 ha (lớn thứ hai tỉnh), vùng sản xuất Na tại các xã: Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Cương Sơn, Đông Phú với diện tích 1.500 ha (lớn nhất tỉnh), vùng sản xuất Dứa tại Bảo Sơn, Tam Dị với diện tích 350 ha; vùng lạc tại xã Cẩm Lý, Bình Sơn, Vô Tranh với diện tích trên 950 ha, nổi bật:

+ *Mô hình liên kết sản xuất Nhãn tập trung* với quy mô 150 ha, chủ yếu là giống Nhãn muộn, nhãn siêu ngọt, nhãn Miền thiết.... Năng suất trung bình 12,8 tấn/ha, sản lượng 1.920 tấn, doanh thu trung bình khoảng 48 tỷ đồng/năm. Vùng Nhãn được sản xuất tập trung theo vùng, gắn với xây dựng chuỗi sản xuất, cung ứng tiêu thụ sản phẩm an toàn, hiệu quả, bền vững, nâng cao đời sống nhân dân. Sản phẩm được HTX Dịch vụ nông nghiệp xã Lục Sơn liên kết và tiêu thụ phân phối tại các cửa hàng bán lẻ và hệ thống siêu thị trong và ngoài tỉnh.

+ *Mô hình sản xuất Na xã Nghĩa Phương* với quy mô diện tích khoảng 50 ha, thực hiện ở 04 thôn (Suối Ván, Tó, Cầu Gạo, Kỳ Sơn) xã Nghĩa Phương. Năng suất ước đạt 8,0 tấn/ha, sản lượng đạt trên 400 tấn; giá bán trung bình 30.000 đồng/kg, doanh thu đạt 300 triệu đồng/ha. Mô hình được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP; chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh nên kiểm soát được an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ *Vùng chăn nuôi*: Trên địa bàn huyện đã hình thành 16 vùng chăn nuôi tập trung (chăn nuôi lợn 03 vùng với 160.000 con; chăn nuôi gà 03 vùng 1.240.000 con; chăn nuôi trâu, bò 02 vùng với 9.500 con; chăn nuôi dê 02 vùng với 7.000 con; chăn nuôi ong 01 vùng với 50.000 đàn).

+ *Vùng thủy sản*: Trên địa bàn huyện đã hình thành 03 vùng nuôi trồng thủy sản (nuôi cá nước ngọt) tại 03 xã với tổng diện tích 230 ha gồm các xã: Đan Hội (100ha); Cẩm Lý (100ha); Bắc Lũng (30ha) mang giá trị kinh tế, thu nhập bình quân từ 100 -120 triệu đồng/ha/năm.

- Huyện Lục Nam có Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện Lục Nam; Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND huyện Lục Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp trực thuộc UBND huyện Lục Nam; Quyết định 117/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND huyện Lục Nam về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện Lục Nam. Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện có 13 biên chế, được cơ cấu tổ chức gồm: Ban giám đốc (gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc) và 03 phòng (Phòng hành chính - Tổng hợp; Chăn nuôi - Thú y; Trồng trọt - Bảo vệ thực vật). Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (hàng năm tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho bà con, triển khai được 25 mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp mang lại giá trị kinh tế cao như lúa thuần chất lượng cao QP5, dưa lưới, hoa cát tường, mô hình chăn nuôi cá chép, mô hình gà lai chơi...), được UBND huyện Lục Nam tặng nhiều giấy khen (từ năm 2021-2022 Trung tâm luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến).

### **c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

## **6.7. Tiêu chí số 7: Môi trường**

### **a) Yêu cầu tiêu chí**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh;

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:  $\geq 40\%$ ;

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên;

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp;

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu;

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt  $\geq 2m^2$ /người;

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:  $\geq 50\%$ ;



- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định đạt 100%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; UBND huyện Lục Nam xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được 16 tổ, đội chuyên trách, 11 HTX và 06 doanh nghiệp thu gom, vận chuyển về xử lý tại 08 khu xử lý rác thải sinh hoạt theo xã và cụm xã, được xử lý bằng 10 lò đốt công nghệ với công suất từ 400-2.000kg/giờ đã có thủ tục môi trường theo quy định để xử lý rác thải sinh hoạt cho 25/25 xã, thị trấn. Ngoài ra, hiện nay huyện cũng đang thực hiện Dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung của huyện tại thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu, công suất 550 tấn/ngày, đêm (*Chất thải công nghiệp 300 tấn, chất thải sinh hoạt 250 tấn*), đến nay đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng với diện tích 85.648,2 m<sup>2</sup>. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 122 tấn/ngày, được thu gom, xử lý 101 tấn/ngày, đạt 82,7% (xử lý bằng phương pháp chôn lấp 13 tấn/ngày, chiếm 12,8%, xử lý bằng phương pháp đốt bằng lò 59 tấn/ngày, chiếm 58,4%, xử lý bằng phương pháp đốt lộ thiên, khác là 5 tấn/ngày, chiếm 4,9%; lượng rác còn lại lượng rác còn lại 24 tấn/ngày được các hộ gia đình phân loại tận dụng chất thải hữu cơ làm thức ăn chăn nuôi, chất thải có khả năng tái sử dụng (giấy, nhựa, gỗ, sắt...) được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, xử lý 4.978/4.978 tấn, đạt 100%. Chất thải rắn xây dựng được người dân và các chủ đầu tư thu gom, phân loại, một phần được tái sử dụng làm chất đốt, dụng cụ chứa, đống, san lấp mặt bằng, lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý hàng năm đạt 100%. Chất thải rắn nông nghiệp là phụ phẩm từ các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón, được thu gom, xử lý hàng năm là 82.746/82.746 tấn, đạt 100%....

- Thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc Tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện và Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/2/2023 về hoạt động thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” năm 2023. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn là 27.462/61.781 hộ, đạt 44,5%.

- Trên địa bàn huyện có mô hình xử lý tái sử dụng chất thải chăn nuôi bằng phương pháp xử lý chất thải từ chăn nuôi qua bể biogas. Mô hình được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2019, đến nay mô hình vẫn tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn huyện với tất cả 1.381 hộ. Mô hình xây dựng hầm biogas

được triển khai xây dựng tại các hộ có quy mô chăn nuôi lớn, tập trung ở một số xã: Cẩm Lý, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Chu Điện, Nghĩa Phương... Các hộ chăn nuôi lớn sử dụng khí biogas trong sinh hoạt thay vì sử dụng gas, than, củi; tạo ra lượng phân hữu cơ đảm bảo chất lượng chăm sóc cây trồng.

- Trên địa bàn huyện có 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu dân cư số 2, Làn 2 Quốc lộ 31, thị trấn Đồi Ngô, với công suất 385m<sup>3</sup>/ngày đêm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả vận hành, đảm bảo phục vụ xử lý nước thải sinh hoạt cho cụm dân cư trong khu vực. Các hộ gia đình thực hiện ký cam kết chi trả phí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải của các hộ gia đình đầu nối vào công trình trạm xử lý nước thải tại Khu dân cư số 2, Làn 2 Quốc lộ 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang..

- Trên địa bàn huyện có 04 CCN đã hình thành (có 02 CCN đang hoạt động là CCN Già Khê, CCN Đồi Ngô trên địa bàn thị trấn Đồi Ngô được hình thành từ trước ngày 05/10/2009 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23/3/2011; 02 CCN đang xây dựng là CCN Vũ Xá, CCN Lan Sơn, chưa hoạt động) và 03 làng nghề (Cây cảnh thôn Tân Sơn, xã Bảo Sơn; Dệt thổ cẩm thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn và Giấy gió thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, tỷ lệ cây xanh trong các CCN đều đạt tối thiểu 10% diện tích toàn khu, cụ thể: CCN Già Khê, thị trấn Đồi Ngô có 03 doanh nghiệp đang hoạt động, đã được phê duyệt báo cáo ĐTM, trong đó 02 doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40, cột A, có 01 doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40, cột B. CCN thị trấn Đồi Ngô có 02 công ty đang hoạt động, đã được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, xác nhận Bản Cam kết bảo vệ môi trường, đã xây dựng trạm xử lý nước thải đạt QCVN 40 cột B, hiện đang có kế hoạch xây dựng, nâng cấp đạt cột A. CCN Lan Sơn đã được phê duyệt ĐTM, CCN Vũ Xá đang hoàn thiện thủ tục về đất đai.

- Thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2025. Hằng năm, UBND huyện đều ban hành các kế hoạch tổ chức “Tết trồng cây” trên địa bàn huyện. Diện tích đất cây xanh công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 2,94 m<sup>2</sup>/người.

- Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 591 kg/ngày, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 327,9 kg/ngày, đạt 55,5%.

- Hiện nay, rác thải sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình được tổ, đội, đơn vị có chức năng thu gom trực tiếp tại các hộ gia đình đến 201 khu tập kết rác thải tạm thời. Các khu tập kết rác thải sinh hoạt nền đổ bê tông có tường bao xung quanh, có đường thoát nước mưa, hố thu gom nước rỉ rác đảm bảo theo quy định.

### **c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

## **6.8. Tiêu chí số 8: Chất lượng môi trường sống**

### **a) Yêu cầu tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt  $\geq 35\%$ .

- Có Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng- xanh- sạch- đẹp, an toàn.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (*bao gồm những hộ sử dụng máy lọc nước đạt tiêu chuẩn và sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đang hoạt động*) trên địa bàn huyện là 45.420/61.781 hộ, đạt 73,52%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước sạch tập trung là 16,1%.

- Trên địa bàn huyện có 17 công trình cấp nước tập trung, trong đó có 07 công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 41%.

- UBND huyện Lục Nam đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 10/2/2022 Quản lý chất lượng nước thải trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 - 2025, Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 07/11/2022 về Kiểm kê, kiểm soát bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Lục Nam giai đoạn 2023- 2025 và Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 04/3/2022 về Bảo vệ nguồn nước mặt sông Lục Nam trên địa bàn huyện Lục Nam giai đoạn 2022 - 2025. Hàng năm, UBND huyện Lục Nam phê duyệt kế hoạch và triển khai thực hiện quan trắc thực hiện quan trắc nước thải và nước mặt trên địa bàn huyện theo quy định.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. Hàng năm, UBND huyện đều chỉ đạo UBND các xã, thị trấn triển khai kế hoạch xây dựng chỉnh trang cảnh quan môi trường, cắt tỉa cây xanh, cỏ ven đường; trồng thêm cây xanh, tuyến đường hoa; tu bổ, sơn sửa các công trình phúc lợi xã hội; chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, cụm dân cư các thôn, xóm tổ chức dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh. Duy trì hoạt động ra quân vệ sinh môi trường và ngày 17 hàng tháng; mỗi năm phát động từ 2-5 đợt tổng vệ sinh môi trường, thu hút đông đảo người dân tham gia, trong các đợt phát động, ngày vệ sinh môi trường nông thôn. Hàng tháng, 100% các xã đều huy động lực lượng tổ chức thực hiện các hoạt động dọn dẹp, phát quang bụi rậm, tổng vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh. Phòng

Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phân công cán bộ thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong việc triển khai các hoạt động trong các đợt phát động, các ngày tổng vệ sinh môi trường.

- 564/564 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

**c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

**6.9. Tiêu chí số 9: Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- 100% tổ chức chính trị- xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Năm 2022, Đảng bộ huyện được BTV Tỉnh ủy đánh giá xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” tại Kết luận số 192-KL/TU ngày 05/01/2022. Chính quyền huyện được Chủ tịch UBND tỉnh xếp loại trách nhiệm người đứng đầu và UBND huyện mức hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- 100% tổ chức chính trị- xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó: Năm 2022, Ủy ban MTTQ huyện xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Ủy ban MTTQ tỉnh Bắc Giang tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2022; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện được công nhận danh hiệu thi đua “Đơn vị xuất sắc công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi” năm 2022; Hội Liên hiệp phụ nữ huyện được đánh giá xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2022; Hội Nông dân huyện được công nhận danh hiệu thi đua “Vững mạnh xuất sắc” năm 2022; Liên đoàn Lao động huyện được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2022. Hội Cựu chiến binh huyện được đánh giá xếp loại “ Hoàn thành tốt nhiệm vụ” công tác Hội năm 2022.

- Trong 02 năm 2021, 2022 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của huyện đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Lục Nam luôn được đảm bảo. Hằng năm Huyện ủy đều ban hành Nghị quyết, UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã, huyện. Huyện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo xây dựng, củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả các mô hình, tổ chức quần chúng trong phong trào bảo vệ ANTT ở cơ sở; là huyện đầu tiên chỉ đạo 100% Công an xã, thị trấn tham mưu, xây dựng, duy trì mô hình Camera an ninh bảo đảm ANTT trên địa bàn hoạt động hiệu quả. Các điểm phức tạp về trật tự xã hội và phức tạp về cờ bạc, ma túy, mại dâm được xác minh, tổ chức triệt phá kịp thời, không để dư luận xấu trong Nhân dân (hiện nay trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về ANTT). 23/23 xã nông thôn mới và 3/3 xã nông thôn mới nâng cao đạt và giữ vững tiêu chí về an ninh trật tự. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ được kiểm chế, năm sau giảm hơn năm trước. Lực lượng Công an từ huyện đến các xã xây dựng mới nhiều mô hình trong phòng chống tội phạm. Từ năm 2021-2022, Công an huyện đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến, nhận được nhiều hình thức khen thưởng: 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 02 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an; 03 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; 06 Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh.

- Huyện đã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên tại các địa phương theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang. Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện là 136 dịch vụ (62 dịch vụ công trực tuyến một phần; 74 dịch vụ công trực tuyến toàn trình), Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã là 63 dịch vụ (23 dịch vụ công trực tuyến một phần; 40 dịch vụ công trực tuyến toàn trình). 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa và dịch vụ công trực tuyến tỉnh được cập nhật. 100% giao dịch trên hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến tỉnh được xác thực điện tử. 25 xã, thị trấn đều triển khai tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đảm bảo tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 (dịch vụ công trực tuyến một phần) trở lên theo quy định từ 84% trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Năm 2022, 25/25 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng số điểm các chỉ tiêu đạt 97,5 điểm; tổng số điểm của từng chỉ tiêu đều đạt trên 50% số điểm tối đa; không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **c) Đánh giá tiêu chí: Đạt**

## **7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

Huyện Lục Nam đến thời điểm 27/9/2023 không có nợ xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **8. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới**

### **8.1. Mục tiêu thời gian tới**

Huyện Lục Nam xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung theo báo cáo thẩm tra của các Sở, ngành; đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ sau: Đến năm 2025, huyện Lục Nam xây dựng kế hoạch, từng bước thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; có 05 xã nông thôn mới nâng cao (xã Bảo Đài, Đông Phú, Đông Hưng, Yên Sơn, Thanh Lâm), đạt 21,7%; có 25-30 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% các xã duy trì các tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; thu nhập bình quân đầu người đạt 68 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 giảm còn 2%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 99%; 100% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải 100%; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung trên 35%; phát triển du lịch, dịch vụ gắn với giá trị văn hóa truyền thống, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, lợi thế về cảnh quan...

### **8.2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã**

*a) Về quy hoạch:* Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật đồ án quy hoạch xã theo đồ án quy hoạch vùng huyện và quy hoạch tỉnh theo Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

#### *b) Về hạ tầng kinh tế - xã hội*

*Giao thông:* Duy tu, bảo dưỡng hàng năm các tuyến đường; nâng cao tỷ lệ cứng hóa bê tông đường nội đồng trên 65% gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo quy hoạch; thường xuyên chỉnh trang hành lang an toàn giao thông, mái che, mái vẩy tại các xã; hoàn thiện hệ thống rãnh thoát nước, biển báo, biển chỉ dẫn đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

*Thủy lợi:* Thực hiện cứng hoá, nâng cấp, bảo trì công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng đáp ứng tưới tiêu chủ động diện tích đất sản xuất nông nghiệp; làm tốt công tác kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi; xây dựng và nhân rộng mô hình tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất chuyên canh của huyện.

*Giáo dục và đào tạo:* Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng sắp đến thời gian công nhận lại, đảm bảo 100% trường học các cấp đạt chuẩn đến năm 2025; quy hoạch quỹ đất mở rộng quy mô trường, lớp học, bổ sung trang thiết bị, dụng cụ để đáp ứng nhu cầu dạy và học thời gian tới. Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đáp ứng lao động chất lượng cao phục vụ Khu, Cụm công nghiệp thời gian tới.

*Cơ sở vật chất văn hóa:* Thực hiện duy tu, cải tạo nhà văn hóa xã, thôn; tiếp tục trang bị thiết chế văn hóa, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, khai thác sử dụng thiết chế văn hóa tại nhà văn hóa, khu thể thao xã, thôn; nâng cao tỷ lệ người dân tập luyện thể thao thường xuyên đạt 45%.

### **c) Kinh tế và tổ chức sản xuất**

- Huyện tiếp tục xác định thời gian tới nông nghiệp vẫn là trụ đỡ trong phát triển kinh tế của huyện, góp phần giải quyết việc làm, đảm bảo an ninh lương thực, ổn định an ninh trật tự ở nông thôn. Thực hiện quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ và an toàn sinh học theo hướng liên kết chuỗi giá trị, tập trung vào 09 sản phẩm chủ lực của huyện (cây vải, cây cam, cây bưởi, cây na, cây dứa, cây nhãn, cây lúa, cây rau màu, con lợn, con gà, con dê, cây lấy gỗ), trong đó:

+ Lĩnh vực trồng trọt: Phát triển theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô vừa và lớn trên cơ sở vận động nông dân tích tụ ruộng đất để thành lập HTX hoặc cho doanh nghiệp thuê đất; tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực: Cây vải, cây cam, cây bưởi, cây na, cây dứa, cây nhãn, cây lúa, cây rau màu. Tập trung hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo quy hoạch gắn với liên kết theo chuỗi giá trị (bảo vệ nghiêm ngặt đất hai lúa diện tích 7.270 ha; 23 vùng sản xuất lúa tập trung diện tích 5.512 ha; 13 vùng rau tập trung diện tích 2.963 ha; 01 vùng sản xuất lạc quy mô 62 ha; 05 vùng sản xuất vải tập trung diện tích 3.210 ha; 03 vùng sản xuất cam ứng dụng công nghệ cao diện tích 650 ha; 03 vùng sản xuất bưởi tập trung diện tích 942 ha; 01 vùng nhãn tập trung diện tích 750 ha; 03 vùng sản xuất na tập trung diện tích 1.700 ha; 01 vùng sản xuất Dứa tập trung diện tích 450 ha; duy trì và phát triển 38 mô hình nhà màng, nhà lưới.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Phát triển theo quy mô trang trại công nghiệp và bán công nghiệp theo định hướng quy hoạch của tỉnh đến năm 2025 (03 vùng chăn nuôi lợn tập trung; 04 vùng chăn nuôi gà tập trung; 03 vùng chăn nuôi trâu bò tập trung; 02 vùng chăn nuôi dê tập trung); rà soát, có lộ trình từng bước dừng hoạt động của các trang trại chăn nuôi ngoài vùng quy hoạch; ưu tiên phát triển đàn lợn, gia cầm theo hướng an toàn, sạch bệnh.

+ Lĩnh vực thủy sản: Phát triển theo hướng thâm canh, bán thâm canh và theo hướng VietGap, an toàn sinh học theo quy hoạch, diện tích nuôi thủy sản thâm canh đạt 1.820 ha trong đó diện tích nuôi thủy sản thâm canh cao năng suất đạt 10 tấn/ha là 250 ha, nuôi thủy sản bán thâm canh năng suất 4-5 tấn/ha là 350 ha; hình thành 03 vùng sản xuất thủy sản tập trung diện tích 230 ha.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp: Thực hiện hiệu quả Nghị quyết về phát triển kinh tế rừng, gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh trồng cây gỗ lớn. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng và khoanh nuôi, bảo vệ, tái sinh rừng. Đến năm 2025, diện tích rừng trồng nguyên liệu tập trung khoảng 13.600 ha (chiếm 67% tổng diện tích đất rừng sản xuất), trong đó diện tích rừng trồng thâm canh gỗ lớn 2.500 ha (chiếm 18,7% diện tích rừng trồng); diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC đạt 1.000 ha; sản lượng gỗ khai thác đạt 130.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất nhất là Hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh; tạo môi trường thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã tích tụ ruộng đất, thuê lại ruộng đất của người dân hoặc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2023-2030. Phân đầu đến năm 2025 thành lập thêm 10-15 HTX nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và đặc sản, thế mạnh của địa phương theo Chương trình OCOP gắn với xây dựng thương hiệu (phân đầu xây dựng thêm 03 nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chủ lực của huyện), bao bì nhãn mác sản phẩm, truy xuất nguồn gốc (phân đầu mỗi năm có từ 2-3 sản phẩm đạt OCOP).

- Xác định phát triển công nghiệp là động lực dẫn dắt phát triển các ngành kinh tế trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng hạ tầng và thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp Bắc Lũng - Yên Sơn, các CNN trên địa bàn làm cơ sở tạo đột phá mới về phát triển công nghiệp. Tập trung GPMB, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành xây dựng hạ tầng, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp, CCN. Phân đầu tăng trưởng công nghiệp - xây dựng bình quân đạt 21-22%/năm; cơ cấu giá trị sản xuất đạt 50,5% trong cơ cấu giá trị sản xuất của huyện, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Du lịch, dịch vụ thời gian tới trở thành ngành kinh tế có giá trị cao trong cơ cấu kinh tế của huyện. Huyện tiếp tục quy hoạch, phát triển các khu, điểm du lịch; thu hút các dự án đầu tư vào khu du lịch Suối Mỡ, khu du lịch nghỉ dưỡng Hồ Suối Nứa, Đền Thần Nông, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang, dự án xây dựng Chùa Bát Nhã; tăng cường liên kết với các vùng lân cận để phát triển du lịch. Khuyến khích phát triển các mô hình du lịch trang trại nông nghiệp gắn với sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm. Từng bước hình thành các tour, tuyến du lịch kết nối các điểm du lịch trong và ngoài huyện, đóng góp 34,6% cơ cấu giá trị sản xuất của huyện.

#### ***d) Văn hóa, y tế, môi trường***

*Về văn hóa:* Nâng cao hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; duy trì tỷ lệ gia đình văn hóa 90% trở lên, tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa 80% trở lên; bảo tồn và phát huy 263 điểm di tích lịch sử văn hóa gắn với việc hình thành các tua du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng gắn xây dựng nông thôn mới. Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động đội, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại các thôn, xã.

*Về y tế:* Duy trì tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 99%; duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện quản lý sức khỏe cho người dân thường trú trên địa bàn cấp xã; làm tốt công tác kiểm soát, không để tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt dưới 20%.



*Về môi trường:* Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức để người dân tham gia bảo vệ môi trường, chỉ đạo các xã thực hiện hiệu quả Đề án phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện. Triển khai, thực hiện tốt Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xử lý triệt để rác thải ra môi trường, không để phát sinh điểm tồn lưu rác thải. Nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện đến năm 2025 đạt 100%. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã Lan Mẫu

Nhân rộng mô hình phân loại rác thải tại nguồn, có chính sách hỗ trợ thực hiện phân loại rác thải và chế phẩm xử lý rác thải hữu cơ ngay từ hộ gia đình; đẩy mạnh việc giao cho các tổ chức đoàn thể, hộ gia đình thực hiện các tuyến đường tự quản, tuyến đường kiểu mẫu; tiếp tục vận động nhân dân thực hiện chỉnh trang vườn tạp, nhà ở, xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, trở thành “*Làng quê đáng sống*” gắn với du lịch cộng đồng tại địa phương; nhân rộng, duy trì các phong trào, mô hình về vệ sinh môi trường của các tổ chức đoàn thể. Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước trong khu dân cư; triển khai các mô hình xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ tiên tiến; làm tốt công tác quản lý chất thải chăn nuôi và hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu/cụm công nghiệp trên địa bàn; cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân, xây dựng tường bao, trồng cây xanh tạo cảnh quan.

Mở rộng vùng cấp nước đối với các công trình cấp nước hoạt động hiệu quả; có kế hoạch nâng cấp, cải tạo, mở rộng cấp nước của 10 công trình; đầu tư xây dựng mới 04 công trình cấp nước trên địa bàn huyện Lục Nam theo Quy hoạch vùng cấp nước đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### ***d) Hệ thống chính trị, an ninh trật tự***

- Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nhiệm vụ, tin học, lý luận chính trị sau khi được tuyển dụng, bổ nhiệm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; duy trì xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; nhân rộng mô hình nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự.

#### ***e) Thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao***

- Mỗi xã lựa chọn tối thiểu 01 thôn thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của tỉnh; trọng tâm thực hiện nội dung về xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn, thực hiện phân loại rác thải ngay từ hộ gia đình, phát huy tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển,

- 100% xã đã đạt chuẩn xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, đến năm 2025 có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Tập trung thực hiện các nội dung: Đẩy mạnh phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP,

sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; thực hiện tốt việc thu gom, phân loại xử lý rác thải, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp...

### **8.3. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí cấp huyện và định hướng xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao**

*a) Về nâng cao chất lượng các tiêu chí cấp huyện:* Cập nhật đồ án quy hoạch vùng huyện theo đồ án quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng phê duyệt điều chỉnh; tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt; 100% các tuyến đường huyện được duy tu thường xuyên, có đầy đủ hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, có đủ các hạng mục về an toàn giao thông cần thiết theo quy định; nâng tỷ lệ lấp đầy Cụm công nghiệp hiện có đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đúng quy định đạt 100%; có trên 70% hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn; nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng công nghệ phù hợp; 100% Khu, Cụm công nghiệp hiện có có hệ thống xử lý nước thải; 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; giữ vững tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

#### *b) Xây dựng Kế hoạch thực hiện huyện nông thôn mới nâng cao*

Trên cơ sở Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 của Trung ương, huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông; đẩy mạnh việc trồng cây, hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp; diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP đạt 100% tổng diện tích trồng vải thiều; chăn nuôi lợn, gà theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học chiếm khoảng 80% tổng đàn; diện tích nuôi thủy sản áp dụng theo tiêu chuẩn VietGAP chiếm 60%; xây dựng và phát triển các sản phẩm đặc trưng, tiềm năng gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn huyện; khai thác, phát triển du lịch...

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Lục Nam đầy đủ, đạt yêu cầu so với quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

## **2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện**

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 của UBND huyện Lục Nam. Nhân sự Văn phòng Điều phối huyện gồm 13 thành viên, thường xuyên được kiện toàn khi có thay đổi nhân sự, trong đó: Chánh Văn phòng Điều phối do Phó Chủ tịch UBND huyện kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng là Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT; 01 thành viên chuyên trách là viên chức Phòng Nông nghiệp và PTNT, 10 thành viên kiêm nhiệm là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Kinh tế và Hạ Tầng, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Văn hoá và Thể thao; Lao động, thương binh và Xã hội; Văn phòng HĐND&UBND huyện. Chánh Văn phòng Điều phối huyện đã ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ thành viên Văn phòng Điều phối huyện.

- Văn phòng Điều phối huyện Lục Nam đã thực hiện tốt công tác tham mưu Ban Chỉ đạo huyện trong chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới: Tham mưu giúp Ban Chỉ đạo huyện đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn; chủ động đề xuất Ban Chỉ đạo huyện tham mưu UBND huyện ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các thôn, xã thực hiện nông thôn mới; tham mưu xây dựng kế hoạch Chương trình; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời tổng hợp báo cáo tình hình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; thực hiện tốt các nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới và đào tạo cán bộ cấp cơ sở thực hiện Chương trình....

### **3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 23/23 xã, đạt 100% (đạt điều kiện quy định)

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03 xã (xã Bảo Đài và Đông Phú năm 2021, xã Đông Hưng năm 2022), đạt 13,04% (vượt điều kiện quy định).

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 02/2 thị trấn, đạt 100% (đạt điều kiện quy định).

- Huyện Lục Nam cũng có 14 thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

### **4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

23/23 xã trên địa bàn huyện Lục Nam đảm bảo đạt chuẩn nông thôn mới và 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025).

## **5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới**

Huyện Lục Nam đã đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, đạt 100%, theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

## **6. Về tình hình nợ xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện xây dựng nông thôn mới**

Huyện Lục Nam đến thời điểm 27/9/2023 không có nợ xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

### **IV. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND huyện Lục Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
- + Lưu: VT, NN.Thăng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI  
ĐẾN NĂM 2023 ĐỐI VỚI HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của huyện</b>	<b>Kết quả thẩm tra của tỉnh</b>
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định 1182/QĐ-UBND ngày 21/12/2020. Có quy hoạch các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.	Đạt
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Huyện Lục Nam đã triển khai các Dự án: Dự án tuyến đường kết nối QL 37 đi QL 31 (đoạn từ Cầu Sen đi Cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam với chiều dài khoảng 5,6km; Xây dựng tuyến đường nối từ QL31 đi ĐT 293 (đoạn Phương Sơn-Yên Sơn) huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang với chiều dài 3km; Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam; Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn với quy mô công suất 4.000m <sup>3</sup> /ngđ.. theo quy hoạch vùng huyện được duyệt.	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Trên địa bàn huyện có 07 tuyến đường huyện đảm bảo kết nối tới 25 xã, thị trấn và được bảo trì hàng năm	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Huyện có 74,15/74,15km đã được cứng hóa, đạt chuẩn theo quy hoạch, đạt 100%.	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của huyện</b>	<b>Kết quả thẩm tra của tỉnh</b>
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	$\geq 50\%$	Huyện có 46/74,15 km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến, đạt 62,04%	Đạt
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Huyện có Bến xe khách Lục Nam đạt tiêu chuẩn loại 4, đảm bảo nhu cầu đi lại của hành khách và vận chuyển hàng hóa.	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện được phân cấp quản lý theo đúng quy định; được kết nối đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch (huyện có 11 đập, hồ chứa, 04 trạm bơm, 48,21 km kênh cấp I, 138,55 km kênh cấp II).	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Huyện đã thành lập Ban Chỉ huy PCTT-TKCN theo quy định; 100% cán bộ cấp huyện và đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã được tập huấn, hướng dẫn, huấn luyện. Cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, bão lụt. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, theo phương châm 4 tại chỗ, kịp thời xử lý và khắc phục các thiệt hại do thiên tai gây ra.	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Toàn huyện có 483 trạm biến áp với công suất 112.285kVA; 476,5km đường dây trung thế (35kV và 22kV); 1.278,4km đường dây hạ thế 0,4 kV đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam được xếp hạng II theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang đạt chuẩn theo quy định. Hàng năm Trung tâm tổ chức 3-5 hội thi hội diễn văn nghệ, 10-12 giải thi đấu thể dục, thể thao...	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	Huyện có 4/6 trường Trung học Phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 gồm: THPT Lục Nam, THPT Phương Sơn, THPT Cẩm Lý và THPT Tứ Sơn	Đạt
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lục Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 được công nhận tại Quyết định 304/QĐ-SGDĐT, ngày 28/4/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang.	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Trên địa bàn huyện có 08 CCN với quy mô 381,21ha đều có Quyết định thành lập của UBND tỉnh và nằm trong danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong tổng số 08 CCN hiện có 06 CCN được lập quy hoạch chi tiết chung cho toàn cụm và được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt còn 02 CCN mới được thành lập, hiện Nhà đầu tư đang tích cực phối hợp với địa phương và cơ quan liên quan triển khai lập hồ sơ quy hoạch chi tiết.	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Chợ Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô tại trung tâm huyện nằm trên tuyến phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô đạt chợ hạng 2 với diện tích 6.484m <sup>2</sup> , với 348 hộ kinh doanh gồm 57 ký ốt, 291 quán bán hàng cố định và một số hộ kinh doanh không thường xuyên đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Huyện đã hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực như: Vùng lúa chất lượng tập trung 700 ha; vùng cây ăn quả trên 6.500 ha, trong đó vùng vải thiều 3.500 ha (lớn thứ hai tỉnh), vùng sản xuất Na 1.500 ha (lớn nhất tỉnh); vùng lạc diện tích 950 ha; vùng nuôi thủy sản 230 ha...	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Trung tâm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (tổ chức các lớp tập huấn cho người dân, xây dựng 25 mô hình kinh tế cho thu nhập cao, quản lý gian trung bày sản phẩm OCOP của huyện); hàng năm đều được công nhận “Tập thể lao động tiên tiến” và nhiều Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện.	Đạt



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được 16 tổ, đội chuyên trách, 11 HTX và 06 doanh nghiệp thực hiện thu gom, vận chuyển về 08 khu xử lý rác thải xã, liên xã để xử lý theo quy định. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý hàng ngày là 101/122 tấn/ngày, đạt 82,7%	Đạt
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	Toàn huyện có 27.462/61.781 hộ tham gia phân loại rác thải rắn tại nguồn, đạt tỷ lệ 44,5%.	Đạt
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	$\geq 01$ mô hình	Trên địa bàn huyện Lục Nam có mô hình xử lý tái sử dụng chất thải chăn nuôi bằng phương pháp xử lý chất thải từ chăn nuôi qua bể bioga tại các xã Cẩm Lý, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Chu Điện, Nghĩa Phương...	Đạt
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	$\geq 01$ công trình	Huyện có 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu dân cư số 2, Làn 2 Quốc lộ 31, TT Đồi Ngô, với công suất 385m <sup>3</sup> /ngày đêm	Đạt
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Huyện Lục Nam có 04 CCN đã hình thành (02 CCN đang hoạt động, 02 CCN đang đầu tư xây dựng) và 03 làng nghề thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường; tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2$ /người	Diện tích đất cây xanh công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 2,94 m <sup>2</sup> /người	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	Lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 327,9/591 kg/ngày, đạt 55,5%	Đạt
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	201 khu tập kết rác thải tạm thời có nền đổ bê tông, tường bao xung quanh, có đường thoát nước mưa, hố thu gom nước rỉ rác đảm bảo theo quy định, đạt 100%	Đạt
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	12%	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 16,1%	Đạt
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥35%	Huyện Lục Nam có 7/17 công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 41%.	Đạt
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Huyện Lục Nam có kế hoạch kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, bảo vệ nguồn nước ngọt sông Lục Nam	Đạt
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Huyện có 564/564 cơ sở, sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của huyện</b>	<b>Kết quả thẩm tra của tỉnh</b>
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đảng bộ, chính quyền huyện Lục Nam được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2022	Đạt
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Đạt
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt	Đạt
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt	Đạt
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt